

Số: *110*/BC-STNMT

Điện Biên, ngày *21* tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO

Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020

Thực hiện Văn bản số 1338/UBND-TH ngày 14/5/2019 của UBND tỉnh V/v thay đổi thời gian hoàn thành báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo với các nội dung như sau:

I. Tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị.

Triển khai Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020; Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức triển khai quán triệt nội dung Nghị quyết cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở nhằm nâng cao nhận thức và tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đồng thời, chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ gắn với tình hình thực tế tại đơn vị.

Việc tổ chức triển khai học tập, thực hiện Nghị quyết đã tạo chuyển biến căn bản trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành về vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc tại địa phương, đồng thời góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị ngành được HĐND, UBND tỉnh giao.

II. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết 37-NQ/TW

1. Về khai thác tài nguyên

1.1 Tài nguyên khoáng sản.

a) Tình hình tài nguyên khoáng sản

Trên địa bàn tỉnh có khoảng 20 loại khoáng sản, gồm các loại khoáng sản rắn và một số nguồn nước nóng, nước khoáng, cụ thể: Khoáng sản nhiên liệu có than đá; kim loại gồm có: sắt, chì kẽm, đồng, vàng, nhôm và antimon; khoáng chất công nghiệp gồm có: alit, barit, kaolin, pyrit, quazit, talc; nước nóng-nước khoáng; vật liệu xây dựng gồm có: đá ốp lát, đá vôi trắng, đá vôi, sét xi măng, sét gạch ngói, cát cuội sỏi và đá xây dựng thông thường.

Trong những năm vừa qua, tỉnh Điện Biên đã có chủ trương thu hút đầu tư trong lĩnh vực khai thác chế biến khoáng sản. Tuy nhiên, do điều kiện giao thông và kinh tế còn nhiều khó khăn nên công tác nghiên cứu, điều tra về địa chất, khoáng sản còn hạn chế; nhiều điểm mỏ chưa được đầu tư đánh giá một cách đúng mức làm cơ sở cho quy hoạch, định hướng phát triển ngành công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản của địa phương.

b) Thực trạng công tác khai thác tài nguyên khoáng sản

Thực hiện Luật khoáng sản, đến nay UBND tỉnh Điện Biên đã cấp Giấy phép hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép, cụ thể: cấp 33 Giấy phép thăm dò khoáng sản; phê duyệt trữ lượng khoáng sản đối với 33 điểm mỏ; cấp 32 Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực, Trong đó có 27 điểm mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (20 mỏ đá và 07 mỏ cát làm VLXDĐT); 01 mỏ đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng; 01 mỏ chì kẽm; 03 mỏ than.

Đối với việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh: UBND tỉnh Điện Biên ban hành Văn bản số 2166/UBND-TN ngày 19/6/2014 về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thăm dò, khai thác, vận chuyển và tiêu thụ cát, sỏi lòng sông, suối trên địa bàn tỉnh; Quy chế quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên tại Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017. Qua đó, UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ tăng cường công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản; đẩy mạnh công tác thanh, kiểm tra và kiên quyết xử lý các trường hợp khai thác, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh; quy định trách nhiệm của người đứng đầu các cấp khi để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn quản lý mà không xử lý, hoặc xử lý không dứt điểm để diễn ra kéo dài; đồng thời yêu cầu các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản có trách nhiệm bảo vệ khoáng sản trong diện tích được cấp phép theo quy định, thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn khai thác, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

1.2 Tài nguyên nước

a) Tình hình tài nguyên nước

Điện Biên nằm ở thượng nguồn của 3 hệ thống sông lớn là: Sông Đà, sông Mã và sông Mê Kông. Nguồn tài nguyên nước mặt rất phong phú với khoảng 15 hồ chứa thủy lợi và 8 hồ chứa thủy điện; hơn 1.000 sông, suối lớn nhỏ phân bố tương đối đồng đều. Sông suối ở Điện Biên nhiều, nguồn nước tương đối dồi dào. Đây là nguồn nước chủ yếu mà hiện nay Điện Biên đang khai thác và sử dụng. Tuy nhiên, địa hình cao, dốc; nhiều thác, ghềnh; có lượng dòng chảy lớn;

Nguồn nước dưới đất của tỉnh Điện Biên được tập trung chủ yếu ở các thung lũng lớn như huyện Điện Biên, Tuần Giáo, Tủa Chùa... Trữ lượng tiềm năng toàn tỉnh Điện Biên là 1.283.630 m³/ng. Tuy nhiên, do địa hình phân cắt, sự phân bố các tầng chứa nước khe nứt chủ yếu trong các khe nứt, đới đập vỡ kiến tạo nên mặc dù tiềm năng nước dưới đất không nhỏ nhưng khả năng khai thác lại rất khó khăn.

b) Thực trạng công tác khai thác tài nguyên nước

Trong những năm qua, nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên nước, UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành: Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 3 tháng 6 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 về việc phê duyệt dự án quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Điện Biên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Quyết định 491/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc phê duyệt dự toán kinh phí dự án: Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước mặt chính, quan trọng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Nhu cầu nước trên toàn tỉnh Điện Biên cho các ngành ước tính trong giai đoạn hiện nay khoảng 225,27 tr.m³/năm. Trong đó: Ngành nông nghiệp khai thác khoảng 204,45 tr.m³/năm (chiếm 90,0% tổng lượng nước được sử dụng), ngành công nghiệp khai thác khoảng 1,64 tr.m³/năm (chiếm 1,1%), khu dân cư sử dụng khoảng 19,18 tr.m³/năm (chiếm 9,9%). Nhu cầu xả nước thải chủ yếu vẫn là nước thải sinh hoạt, tuy nhiên trong những năm gần đây chất lượng nguồn nước mặt đang bị ô nhiễm cục bộ do các hoạt động sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản, xây dựng cơ sở hạ tầng đường giao thông, các công trình thủy điện và do hoạt động kinh doanh của các hộ dân cư.

Trên địa bàn toàn tỉnh Điện Biên hiện có 9 nhà máy cấp nước cho 9/10 đô thị; Khoảng 1.000 công trình cấp nước tập trung, phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho các hộ, khu dân cư nông thôn. Tuy nhiên, với đặc thù là tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai mưa lũ, lượng mưa hàng năm ít, nguồn sinh thủy phân bố không đồng đều, có nguy cơ cạn kiệt. Cùng với đó, nhận thức người dân chưa cao trong vấn đề sử dụng và bảo vệ các công trình nước sạch sau đầu tư, bởi vậy các công trình cấp nước tập trung nhanh chóng bị xuống cấp, hoạt động kém hiệu quả. Hiện chỉ còn 172 công trình cấp nước tập trung hoạt động bền vững, chiếm trên 17%. Số công trình cấp nước còn lại hoạt động trung bình, kém hiệu quả và không hoạt động,

Toàn tỉnh đã cấp tổng cộng 26 Giấy phép cho các tổ chức, cá nhân. Trong đó: đã cấp 19 Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; 06 Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, 01 Giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất. Tính tiền cấp quyền khai thác cho 7 công trình khai thác nước với tổng số tiền là 733 triệu đồng

1.3 Tài nguyên đất đai.

a) Tình hình tài nguyên đất.

Tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh: 954.125,06 ha, bao gồm:

- Đất nông nghiệp có 734.733,35 ha chiếm 77,01 % diện tích tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp có 25.757,30 ha, chiếm 2,70 % diện tích tự nhiên.
- Đất chưa sử dụng có 193.634,41 ha, chiếm 20,29 % diện tích tự nhiên.

b) Thực trạng công tác khai thác tài nguyên đất.

- Thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả; kết hợp bảo vệ diện tích, độ phì nhiêu của đất canh tác nông nghiệp; từng bước khắc phục tình trạng manh mún, nhỏ lẻ trong sử dụng đất: Trên cơ sở chỉ tiêu sử dụng đất được Thủ tướng Chính phủ phân bổ; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Điện Biên được Chính phủ phê duyệt, quy hoạch kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã chỉ ra vị trí, quy mô, mục đích sử dụng đất, phục vụ cho mục tiêu quốc phòng, an ninh của tỉnh và mục tiêu phát triển của các ngành, các lĩnh vực, các huyện, thị xã, thành phố, phát huy tốt nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đảm bảo Nhà nước quản lý và sử dụng đất tiết kiệm khai thác hợp lý, có hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên đất đai, bảo vệ môi trường; chủ động trong công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, tạo nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thông qua đấu giá quyền sử dụng đất; diện tích đất chưa sử dụng được đưa khai thác sử dụng một cách hợp lý, góp phần cân bằng quỹ đất sử dụng vào các mục đích theo yêu cầu phát triển các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh; đặc biệt coi trọng việc cấm mốc ranh giới quy hoạch sử dụng đất đối với diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt, đến nay UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã thực hiện xong việc xác định diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt trên thực địa nhằm giảm thiểu các công trình, dự án có sử dụng đất lúa đảm bảo an ninh lương thực cũng như phát triển cây lúa có năng suất, chất lượng cao đem lại thu nhập cho người dân trên địa bàn tỉnh.

Phát triển thế mạnh riêng cho từng vùng như cây cao su tại các huyện như huyện Điện Biên, Mường Chà, Tuần Giáo; cây cà phê huyện Mường Ảng, nhân rộng cây Mắc ca trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ, Tuần Giáo, Mường Chà, Nậm Pồ, Mường Ảng, Điện Biên và Điện Biên Đông góp phần tăng thu nhập cho người dân, tạo sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như góp phần tạo sự chuyển biến mạnh trong nền kinh tế của tỉnh Điện Biên.

- Việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn hướng dẫn thi hành luật; đã đánh giá tính liên kết, đồng bộ giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới, quy hoạch ngành, lĩnh vực khác có sử dụng đất;

- Đẩy mạnh khai thác quỹ đất chưa sử dụng, mở hướng đi mới trong khai thác quỹ đất miền núi cho mục đích phi nông nghiệp: Công khai hóa quỹ đất chưa sử dụng, đất chưa cho thuê, cho thuê lại tại các cụm công nghiệp, khu kinh tế, quỹ đất được Nhà nước giao, cho thuê nhưng chậm đưa đất vào sử dụng. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận đất đai; Tổng các nguồn thu từ đất đai (bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, đấu giá đất, thuế sử dụng đất, các loại phí, lệ phí từ đất đai) thu được từ ngày Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành đến 31/12/2018 trên địa bàn tỉnh Điện Biên là 797.317 triệu đồng.

2. Về bảo vệ môi trường

2.1 Công tác bảo vệ môi trường.

a) Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường

Định kỳ hàng UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai các ngày môi trường trong năm giao các cấp, ngành tổ chức triển khai thực hiện: Ngày Môi

trường thế giới, Tuần lễ Quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn; Đã tổ chức 75 cuộc mít tinh hưởng ứng các ngày lễ lớn về môi trường tại 10/10 huyện, thị xã, thành phố với hơn 260.000 lượt người tham gia;

- Xây dựng 250 chuyên mục Tài nguyên môi trường phát trên sóng phát thanh và sóng truyền hình tỉnh; xuất bản 40 Bản tin tài nguyên môi trường; Xây dựng 08 cụm Panô và phát hành hơn 41.000 tờ rơi có nội dung tuyên truyền về bảo vệ môi trường;

- Tổ chức 03 Hội nghị cấp tỉnh, 7 lớp tập huấn cấp huyện triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đối với cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

b) Công tác thẩm định, cấp phép môi trường

- UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của 128 dự án, 01 báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, 10 đề án bảo vệ môi trường chi tiết, 27 dự án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản; phê duyệt 03 đề án bảo vệ môi trường và 18 Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; thẩm định và cấp xác nhận 58 kế hoạch bảo vệ môi trường, cấp 126 Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

- Cấp huyện đã thẩm định và xác nhận: Gần 1.300 bản cam kết bảo vệ môi trường; gần 200 đề án bảo vệ môi trường và 87 Dự án cải tạo phục hồi môi trường và hơn 250 bản kế hoạch bảo vệ môi trường.

c) Công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường

- UBND tỉnh phê duyệt mạng lưới điểm quan trắc môi trường (giai đoạn 2013 – 2015, giai đoạn 2016 – 2020). Tổ chức thực hiện chương trình quan trắc môi trường, lập báo cáo hiện trạng môi trường, báo cáo chuyên đề về môi trường hàng năm, xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường 5 năm (giai đoạn 2006 – 2010, giai đoạn 2011 – 2015);

- Tiến hành thanh tra, kiểm tra 1152 lượt đối với 170 cơ sở, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh trong công tác bảo vệ môi trường. Lập 334 biên bản nhắc nhở và yêu cầu các đơn vị hoàn thiện, khắc phục các nội dung sai phạm; lập biên bản vi phạm hành chính 115 cơ sở với tổng số tiền phạt là 1.329.500.000 đồng.

- Xử lý tiêu hủy 3.397 kg thuốc bảo vệ thực vật tồn dư và vỏ bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Rà soát, đề xuất biện pháp xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, 1/4 cơ sở gây ô nhiễm thuộc đối tượng phải xử lý theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã hoàn thành xử lý triệt để và đang phối hợp cùng các cơ quan chủ quản hướng dẫn 3/4 cơ sở hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt.

d) Công tác phối hợp triển khai Nghị quyết liên tịch, Chương trình phối hợp hành động về bảo vệ môi trường.

- Tổ chức ký kết Nghị quyết liên tịch, chương trình phối hợp hành động bảo vệ môi trường 09 đơn vị, tổ chức đoàn thể tỉnh, kết quả đạt được trong công tác phối hợp: Tổ chức 1.148 lớp tập huấn về Luật Bảo vệ môi trường, kỹ năng, nghiệp vụ quản lý bảo vệ môi trường cho 90.922 cán bộ, đoàn viên, hội viên, thanh niên, nông dân; Tổ chức 9.889 buổi tuyên truyền, 286 đợt tọa đàm với nội dung tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho hơn 545.000 lượt cán bộ, đoàn viên, hội viên, thanh niên tham gia; tổ chức 59 cuộc thi tìm hiểu pháp luật về tài nguyên môi trường và BVMT; cấp phát 1.700 cuốn sổ tay, 36.000 tờ rơi và gần 2.000 tờ báo, bản tin với nội dung tuyên truyền bảo vệ môi trường; xây dựng 37 tủ sách có nội dung về bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Thành lập 33 đội bảo vệ môi trường; 3 câu lạc bộ tự quản về thu gom, xử lý rác thải nâng cao nhận thức, kiến thức bảo vệ môi trường nông thôn; 495 đội thanh niên tình nguyện, thanh niên xung kích nhằm cải thiện môi trường tại các thôn bản.

e) Thực hiện chi ngân sách sự nghiệp môi trường và thực hiện các Đề án, Dự án môi trường.

UBND tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm cho các sở, ban ngành, tổ chức chính trị, UBND các huyện, thị xã, thành phố với tổng kinh phí sự nghiệp môi trường từ năm 2007 đến năm 2018 là 353,676 tỷ đồng. Xây dựng và tổ chức thực hiện 10 Đề án, Dự án triển khai trên địa bàn toàn tỉnh (08 dự án, đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt sản phẩm, 02 dự án đang triển khai thực hiện).

2.2. Ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai

Nhằm tăng cường công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 về việc thành lập Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Điện Biên. Đồng thời, ban hành kịp thời các chỉ thị về việc chủ động phòng, chống, ứng phó với thiên tai và khắc phục hậu quả sau mưa lũ trên địa bàn tỉnh Điện Biên: Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 13/2/2017 về việc phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2017.

Chủ động theo dõi diễn biến tình hình mưa, thời tiết, mực nước của các trạm đo và các hồ chứa trong tỉnh, xác định các vùng trọng điểm có nguy cơ xảy ra sạt lở, lũ quét... để xây dựng phương án phòng ngừa, nhằm chủ động xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống có thể xảy ra. Kết quả, tổng số lượng người dân được tập huấn, đào tạo nâng cao hiểu biết về thích ứng với BĐKH, thiên tai ở những vùng có nguy cơ cao. Đài khí tượng, thủy văn tỉnh Điện Biên dự báo và cảnh báo kịp thời các hiện tượng mưa lớn trên diện rộng và lũ từ cấp báo động II trở lên. Chất lượng công tác dự báo KTTV theo đánh giá của phòng Dự báo Đài KTTV khu vực Tây Bắc, các hạng mục dự báo vượt chỉ tiêu từ 4,8 - 12,7%.

Đồng thời, để đảm bảo cho các khu vực thường xuyên bị sạt lở, trượt lở đất đá, lũ quét. Tỉnh uỷ Điện Biên đã chỉ đạo UBND tỉnh Điện Biên triển khai thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu thiệt hại do các tai biến gây ra cụ thể

như: Phê duyệt kết quả dự án ” Điều tra hiện trạng, nguyên nhân, dự báo nguy cơ sụt lún, trượt lở khu vực trung tâm xã Huổi Sớ, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên” Phê duyệt dự án bố trí ổn định dân cư vùng có nguy cơ sụt lở, lũ quét, đặc biệt khó khăn tại các bản Suối Lư I, II, III đến định cư tại khu vực Huổi Po xã Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên; Phê duyệt điều chỉnh quy mô đầu tư và thời gian thực hiện dự án di chuyển dân cư nơi nguy cơ sụt lở cao đời sống đặc biệt khó khăn thuộc các bản Hua Múc I, Hua Múc 2, Pu Si đến định cư tại các bản Hua Múc 2, xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; Phê duyệt điều chỉnh quy mô đầu tư và thời gian thực hiện dự án di chuyển dân cư nơi nguy cơ sụt lở, lũ ống, lũ quét, đời sống đặc biệt khó khăn thuộc các bản Nậm Bay, Pa Cá đến định cư tại khu Phiêng Xanh, xã Mùn Chung huyện Tuần Giáo.

Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện kịch bản biến đổi khí hậu; tỉnh Điện Biên đang tiến hành lập, xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với Biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Ban hành Kế hoạch số 3763/KH-UBND ngày 25/12/2017 triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện thoả thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trên các phương tiện thông tin đại chúng, thực hiện chương trình phóng sự “Điện Biên - chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên và môi trường”.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên nhất là khoáng sản, tài nguyên nước

a) Đối với tài nguyên khoáng sản

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến, giáo dục phát luật về Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp quy có liên quan đến lĩnh vực.

- Thực hiện việc cấp giấy phép hoạt động khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm.

- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản sau khi có đầy đủ các căn cứ theo quy định của pháp luật;

- Nâng cao chất lượng và thực hiện nghiêm túc quy trình lập, thẩm định, phê duyệt và xác nhận hoàn thành các báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đặc biệt phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án trong khai thác khoáng sản; kiên quyết không phê duyệt những dự án sử dụng công nghệ lạc hậu có tác động lớn hoặc tiềm ẩn nguy cơ cao đối với môi trường.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra tình hình hoạt động khai thác khoáng sản, chấp hành các nghĩa vụ quy định trong giấy phép và các quy định khác có liên quan; giám sát hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn; tăng cường

công tác phối hợp với Sở, Ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan trong công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản; kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn quản lý của địa phương.

b) Đối với tài nguyên nước

Trên cơ sở đó, xây dựng các Quy hoạch, kế hoạch khai thác, bảo vệ nguồn nước, tăng cường quản lý nguồn nước theo lưu vực sông; tích nước, điều tiết nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác và sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và bền vững; Đôn đốc các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thành Dự án: "Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước mặt chính, quan trọng trên địa bàn tỉnh Điện Biên".

2. Liên kết, hợp tác trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

Điện Biên là một tỉnh miền núi nhưng tỉnh luôn quan tâm tới những chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, tỉnh cũng đã đề cao vai trò của việc liên kết với các tỉnh lân cận để phát huy thế mạnh của tỉnh. Phần lớn các lĩnh vực như xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, phòng tránh, thích ứng với thiên tai và BĐKH đã triển khai liên kết có hiệu quả. Cụ thể, tỉnh đã xây dựng đề án "Xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH" trong đó đề cập tới xây dựng các giải pháp ứng phó và lồng ghép thông tin BĐKH vào kế hoạch phát triển, đồng thời xây dựng các giải pháp liên kết vùng ứng phó cho các nhóm ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Các cấp, các ngành, địa phương đã theo dõi chặt chẽ diễn biến của thời tiết, khí hậu, thủy văn, làm tốt công tác dự báo, cảnh báo sớm, từ đó kịp thời ứng phó, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả nhằm bảo vệ, giảm thiểu tối đa thiệt hại về người và tài sản của nhà nước, nhân dân khi có lũ, bão, thiên tai xảy ra.

Trong thời gian tới cần tiếp tục xây dựng đồng bộ các cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp, các nhà khoa học vào các hoạt động liên kết, hợp tác trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; thiết lập các cơ chế hỗ trợ cộng đồng dân cư, khuyến khích các tổ chức phi chính phủ tham gia vào các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu bảo vệ môi trường; Trong đó cần tập chung các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Tiết kiệm năng lượng, khai thác nguồn năng lượng mới;
- Chủ động phòng tránh các tai biến thiên nhiên ngày càng nghiêm trọng trong bối cảnh BĐKH;
- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng và thời vụ;
- Quản lý lưu vực và tài nguyên nước;

- Bảo vệ và phát triển rừng;
- Tăng cường nhận thức cộng đồng về BĐKH và thích ứng với BĐKH;

Trên đây là báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh(b/c);
- Sở KH&ĐT
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, Đơn vị thuộc sở.
- Lưu VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngôn Ngọc Khuê